

Số: 194/CV-TCHC-MCF

Long An, ngày 30 tháng 11 năm 2023

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty CP Xây Lập Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm
2. Mã chứng khoán: MCF
3. Địa chỉ: 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6 Thành phố Tân An, Long An
4. Điện thoại liên hệ: 02723.821780 Fax: 02723.820509
5. E-mail: info@mecofood.com.vn
6. Người thực hiện CBTT: Lê Trường Sơn chức vụ Tổng giám đốc
7. Loại công bố thông tin

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

8. Nội dung thông tin công bố:

Nghị Quyết HĐQT phiên ngày 30/11/2023 nhiệm kỳ IV về việc:

1. Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng hợp tác khai thác nhà xưởng, máy móc thiết bị tại Phân xưởng 2 xí nghiệp Cao Lãnh trực thuộc Công ty Lương thực Đồng Tháp nhằm mục đích đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm để trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2023 phê duyệt.

2. Thống nhất thông qua mức thù lao, tiền lương của HĐQT và Ban kiểm soát để trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2023 phê duyệt.

3. Thống nhất phê duyệt tổng hạn mức tín dụng cho Công ty được huy động thường xuyên là 250 tỷ đồng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 cụ thể như sau:

- 1/ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An: 100 tỷ đồng.
- 2/ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An: 100 tỷ đồng.
- 3/ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An: 50 tỷ đồng.

Tổng hạn mức: 250 tỷ đồng

9. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/11/2023 tại đường dẫn: www.mecofood.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

* Tài liệu đính kèm:

-Nghị quyết HĐQT, Tờ trình



Lê Trường Sơn

Số : 41B/NQ-MCF-HĐQT

Long An, ngày 30 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp – Cơ khí và Lương thực Thực phẩm (MECOFOOD);
Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị công ty cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm;
Căn cứ Phiếu lấy ý kiến HĐQT số 41A/LYK-MCF-HĐQT ngày 30/11/2023 công ty cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng hợp tác khai thác nhà xưởng, máy móc thiết bị tại Phân xưởng 2 xí nghiệp Cao Lãnh trực thuộc Công ty Lương thực Đồng Tháp nhằm mục đích đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm để trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2023 phê duyệt (Có tờ trình và phương án đầu tư kèm theo).

Điều 2: Thống nhất thông qua mức thù lao, tiền lương của HĐQT và Ban kiểm soát để trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2023 phê duyệt (Có tờ trình kèm theo).

Điều 3: Thống nhất phê duyệt tổng hạn mức tín dụng cho Công ty được huy động thường xuyên là 250 tỷ đồng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 cụ thể như sau:

- 1/ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An: 100 tỷ đồng.
- 2/ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An: 100 tỷ đồng.
- 3/ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An: 50 tỷ đồng.

Tổng hạn mức: 250 tỷ đồng

Giao cho Tổng Giám đốc Công ty đàm phán, ký kết hợp đồng vay vốn theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành và sử dụng vốn vay đúng mục đích.

Điều 4: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận :

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT HN
- Tổng Cty LTMN
- HĐQT, BKS Cty
- BTGD Công ty
- Lưu MC/D/HĐQT/NGHIQUYET

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Kiệt

TỜ TRÌNH

“V/v: Đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm”

Kính gửi: Hội đồng quản trị công ty

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm;
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hiện nay ngành hàng lương thực của Công ty đang trên đà phát triển vượt bậc khách hàng ngày càng biết nhiều đến thương hiệu gạo của công ty, theo thống kê của Phòng Kế hoạch kinh doanh sản lượng tiêu thụ gạo của Công ty ngày một tăng đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu, khủng hoảng chính trị của nhiều nước, chiến tranh Trung đông và Đông Âu thì nhu cầu tích trữ lương thực lớn.

Xí nghiệp Lương thực thực phẩm trực thuộc Công ty có 2 phân xưởng nằm ở thành phố Tân An và huyện Tân Trụ, hai phân xưởng này không nằm trong vùng nguyên liệu nên chi phí thu mua cũng khá cao do khách hàng phải vận chuyển đến giao tận xí nghiệp cộng vào chi phí vận chuyển làm cho giá nguyên liệu đầu vào của xí nghiệp cao, hạn chế tính cạnh tranh trên thị trường đặc biệt trong bối cảnh có nhiều công ty kinh doanh xuất khẩu gạo ra đời.

Ngoài ra Phân xưởng I ở thành phố Tân An nằm trong vùng quy hoạch lộ trình dự kiến đến năm 2030, phân xưởng II ở huyện Tân Trụ đến năm 2025 phải trả lại mặt bằng cho Tỉnh ủy. Chính vì vậy việc đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm của công ty là thực sự cần thiết.

Qua khảo sát nhiều nhà máy cho thuê ở các tỉnh miền tây Ban điều hành nhận thấy Phân xưởng Cao Lãnh nằm ở Sông Tiền trên trục quốc lộ 30, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 154 km, cách trung tâm thành phố Cần Thơ khoảng 80 km, cách thành phố Sa Đéc khoảng 30 km, cách thành phố biên giới Hồng Ngự khoảng 60 km. Với vị trí thuận lợi vừa có đường sông vừa có đường bộ đặc biệt nằm trong vùng nguyên liệu nên việc thu mua sẽ thuận lợi rất lớn, mở ra nhiều phương án cho Công ty trong việc lựa chọn nguồn nguyên liệu tốt phục vụ cho việc sản xuất, chế biến và kinh doanh đặt biệt là tham gia thị trường gạo giá rẻ, số lượng nhiều nhằm đảm bảo kế hoạch đã đề ra hàng năm.

Bằng văn bản này Ban điều hành kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét cho chủ trương ký hợp đồng hợp tác khai thác nhà xưởng, máy móc thiết bị tại Phân xưởng 2 xí nghiệp Cao Lãnh trực thuộc Công ty Lương thực Đồng Tháp để đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm (Có phương án cụ thể kèm theo).

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- HĐQT
- Ban kiểm soát
- Ban TGD Công ty.
- Lưu VP.

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ TRƯỜNG SƠN

---๑๑๑๑๑---

Số: 184/TTr-MCF-TCHC

Long An, ngày 20 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Xin phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2024

Kính gửi: - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn để phục vụ cơ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2024.

Ban điều hành xin báo cáo Hội đồng quản trị Công ty về quá trình đàm phán và đã được các Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng đối với Công ty, cụ thể như sau :

- 1/ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An: 100 tỷ.
- 2/ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Long An: 100 tỷ.
- 3/ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-chi nhánh Long An: 50 tỷ.

Tổng hạn mức: 250 tỷ đồng

(VBC: Hai trăm năm mươi tỷ đồng)

Ban điều hành Công ty kính trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt tổng hạn mức tín dụng cho Công ty được huy động thường xuyên là 250 tỷ đồng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024.

Trân trọng kính trình!

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

- Như trên.
- Lưu VT



Lê Trường Sơn

TỜ TRÌNH

Thù lao, tiền lương năm 2023

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty

Căn cứ Nghị định Số: 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ về quy định lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Để bộ phận nghiệp vụ làm cơ sở tính lương và thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trong thời gian tới. Nay Ban điều hành kính trình Hội đồng quản trị công ty phê duyệt kế hoạch thù lao và tiền lương năm 2023, cụ thể như sau:

1. Mức thù lao HĐQT, Ban kiểm soát:

- Chủ tịch HĐQT không chuyên trách: 10.000.000 đồng/người/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT không chuyên trách: 8.000.000 đồng/người/tháng
- Kiểm soát viên: 4.500.000 đồng/người/tháng

2. Tiền lương của Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách:

- Bậc 1: 34.400.000 đồng/người/tháng
- Bậc 2: 36.000.000 đồng/người/tháng

Những thù lao và tiền lương của các chức danh còn lại không được Ban điều hành xin ý kiến Hội đồng quản trị Công ty trong tờ trình này sẽ tiếp tục được áp dụng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2023.

Kính trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt để Ban điều hành Công ty làm cơ sở thực hiện.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HĐQT, VT.
- Lưu TCHC
- Lưu MC

TỔNG GIÁM ĐỐC



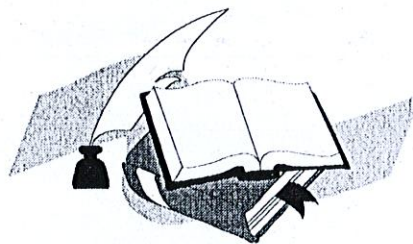
LÊ TRƯỜNG SƠN

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN



**PHƯƠNG ÁN
ĐẦU TƯ MỞ RỘNG ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG SXKD MẶT
HÀNG LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**

**Đơn vị: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm
(MECOFOOD)**



Long An, ngày 20 tháng 11 năm 2023

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Đơn vị thực hiện: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm (Gọi tắt là MECOFOOD).
2. Phương án: Đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm.
3. Địa điểm thực hiện phương án: Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
4. Qui mô nhà máy, kho dự kiến thuê: Diện tích kho chứa: 5.850 m²; Sức chứa (gạo): 7.000 tấn.
5. Hình thức thực hiện: Thuê lại kho và toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị xát-lau-tách màu hiện có của Phân xưởng 2-Xí nghiệp Cao Lãnh, Công ty Lương thực Đồng Tháp.
 - Địa chỉ: QL 30, khóm 4, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
6. Tổng vốn cần cho phương án: 1.500.000.000 VND (VBC: Một tỷ trăm năm triệu đồng).
 - Chi phí thuê: 1.200.000.000 đồng/năm (VBC: Một tỷ hai trăm triệu đồng/năm)
 - Chi phí cải tạo sửa chữa: 300.000.000 đồng (VBC: Ba trăm triệu đồng)
7. Nguồn vốn: Vốn vay và quỹ đầu tư phát triển của Công ty
8. Thời gian thực hiện phương án: 05 năm.

PHẦN I

**SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ VÀ MỤC TIÊU CỦA PHƯƠNG ÁN
A . THỰC TRẠNG VỀ NGÀNH LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM CỦA
CÔNG TY**

1. Tình hình SXKD mặt hàng LTTP của Công ty

a. Về kết quả kinh doanh

Nội dung	2019	2020	2021	2022	Ước TH 2023
a) Sản lượng LT mua vào (tấn)	28,207	36,124	33,433	26,035	26,978
b) Sản lượng bán ra (Tấn)	24,471	38,294	25,708	26,005	27,000
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	7,889	6,995	10,522	12,393	13,964

b. Về cơ sở vật chất kỹ thuật

Phân xưởng I: Địa chỉ 28 Cao văn Lầu Phường 5 - TP Tân An Long an

Tích lượng kho: 19.974 tấn.

- Diện tích đất: 12.714 m²
- Diện tích xây dựng: 8.400 m²
- Diên tích kho: 8.368 m²

Dây chuyền sản xuất gồm:

- 1 dây chuyền xát lau, trộn 16T/giờ
 - 1 dây chuyền xát lau bóng: 12tấn/giờ
 - 2 máy tách màu mới công suất 20 tấn/giờ (Mỗi máy 10T/giờ)
 - 1 Hệ thống bồn trộn 60 tấn/giờ
 - 1 kho HACCP và 03 máy đóng gạo bịch 5kg và 10kg
- Năng lực sản xuất bình quân 400 tấn đến 600 tấn / ngày

Phân xưởng II: Ấp Hòa Bình - Thị Trấn Tân Trụ - Huyện Tân Trụ -

Tỉnh Long An

Tích lượng kho: 5.834 tấn

- Diện tích đất: 6.263 m²
- Diện tích xây dựng: 4.318 m²
- Diên tích kho: 3.657 m²

Dây chuyền sản xuất gồm:

- 1 dây chuyền xát, lau, trộn 6T/giờ
- 1 dây chuyền xay bóc vỏ: 12tấn/giờ
- 1 sân phơi: 650 m²

Năng lực sản xuất bình quân 100 tấn đến 150 tấn/ngày.

Hiện kho này hợp đồng thuê sẽ hết hạn vào năm 2025, máy móc thiết bị cũ, công suất nhỏ.

2. Thuận lợi :

a. Thị trường xuất khẩu:

Phần lớn lượng gạo xuất khẩu của Công ty tập trung vào thị trường ngách, khó tính đòi hỏi chất lượng cao như Mỹ, Canada, UAE, Iran..., Công ty có một số khách hàng truyền thống và hợp tác bền vững. Năng lực nhà máy đủ năng lực sản xuất chế biến theo chất lượng mà khách hàng yêu cầu.

b. Thị trường nội địa:

Sản phẩm gạo nội địa của Công ty tập trung vào phân khúc cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến tinh bột, bún, bánh phở là chính. Ngoài ra còn cung cấp cho các Công ty chế biến suất ăn công nghiệp, các bếp ăn, siêu thị và hệ thống các đại lý bán lẻ ...

c. Nguồn cung nguyên liệu

Phần lớn nguyên liệu được thu mua từ miền tây như Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp....chất lượng và nguồn cung cấp luôn dồi dào và ổn định

3. Khó khăn:

a. Thị trường xuất khẩu:

Trong thời gian qua, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tiếp thị tìm kiếm khách hàng nhưng công ty vẫn chưa có thị trường xuất khẩu giá rẻ, số lượng lớn nên sản lượng xuất khẩu chưa tăng và đạt như kế hoạch đề ra do chi phí sản xuất cao hơn các đơn vị bạn cùng ngành nghề nên chưa có giá bán cạnh tranh trên thị trường.

b. Thị trường nội địa:

Đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đơn vị khác cùng ngành nghề. Yêu cầu tiêu chuẩn và an toàn VSTP của các đối tác ngày càng cao nên chi phí xử lý, chế biến, vệ sinh.... ngày tăng ảnh hưởng đến hiệu quả của ngành hàng. Bên cạnh đó nguyên liệu được mua từ gạo đã qua sơ chế nên trước khi xuất phải làm hàng lại dẫn đến chi phí cũng tăng lên làm ảnh hưởng đến giá bán.

c. Nguồn cung nguyên liệu

Do nhà máy nằm ở xa vùng nguyên liệu nên chi phí vận chuyển về đến kho cao và không chủ động được việc lựa chọn nguyên liệu, chủng loại trong thu mua. Chưa tận dụng hết tất cả các lợi thế nếu tự tổ chức thu mua nguyên liệu từ lúa về sấy, chế biến ra thành phẩm.

B. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ MỞ RỘNG ĐỊA BÀN SXKD NGÀNH LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

I. Định hướng và mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh ngành gạo của Công ty:

1. Định hướng:

Với thế mạnh thị trường và đội ngũ nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất chế biến và kinh doanh gạo nội địa cũng như xuất khẩu, thời gian qua công ty đã từng bước xây dựng và phát triển. Tuy nhiên nếu căn cứ vào thực trạng hiện tại như: Sản lượng hàng năm chưa đạt kế hoạch đề ra, hệ thống khách hàng xuất khẩu còn ít, chưa có thị trường tiêu thụ với số lượng lớn, nhà máy nằm xa vùng nguyên liệu, chưa tận dụng hết tất cả lợi thế về giá thành sản xuất từ qui trình thu mua, sấy, chế biến và bảo quản...thì sự phát triển của Công ty là chưa bền vững. Bên cạnh phân xưởng 2 sẽ hết thời hạn thuê và phải trả lại chủ sở hữu vào năm 2025 thì Phân xưởng 1 sẽ không đủ năng lực chế biến, kho chứa để đáp ứng cho các đơn hàng của khách. Vì vậy cần phải mở rộng thêm một nhà máy mới để đủ đáp ứng yêu cầu sản xuất chế biến đơn hàng hàng năm của Công ty, tạo điều kiện cho sự phát triển của công ty ngày càng bền vững hơn.

2. Mục tiêu:

Tham gia thêm thị trường tiêu thụ gạo giá rẻ với số lượng lớn, tổ chức thu mua- biến bảo quản lúa, gạo nguyên liệu 504 khi có giá tốt, tối ưu hóa chi phí từ khâu thu mua- tổ chức chế biến cho đến khâu tiêu thụ sản phẩm nhằm tăng sản lượng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu cũng như đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch của đại hội đồng cổ đông đã giao

II. Sự cần thiết phải thực hiện phương án:

Với định hướng và mục tiêu trên, xét thấy cần phải thực hiện phương án “Đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm” ngay. Việc thực hiện phương án phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Địa điểm đầu tư phải thuận tiện cả đường bộ và đường thủy.
- Nhà kho, máy móc, dây chuyền chế biến gạo có sẵn với năng lực kho chứa trên 10.000 tấn và công suất chế biến từ 400-600 tấn/ngày (bằng với Phân xưởng 1)
- Gần vùng nguyên liệu với đa dạng chủng loại gạo trong đó gạo 504 là chiếm ưu thế trong cơ cấu giống gieo trồng của địa phương.
- Đầu tư hệ thống máy móc, dây chuyền phải đồng bộ, chế biến từ lúa nguyên liệu ra gạo thành phẩm để tối ưu hóa chi phí nhằm có giá thành cạnh tranh tốt nhất.

PHẦN II

HÌNH THỨC ĐẦU TƯ VÀ ĐỊA ĐIỂM CỦA PHƯƠNG ÁN

I. Hình thức đầu tư

Thực hiện thuê lại kho và toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị xát-lau-tách màu hiện có của Phân xưởng 2 - Xí nghiệp Cao Lãnh, Công ty Lương thực Đồng Tháp trực thuộc Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam- Công ty Cổ phần.

II. Địa điểm kho thuê

Địa điểm : QL 30, khóm 4, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Phân xưởng Cao Lãnh nằm ở sông Tiền trên trục quốc lộ 30, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 154 km, cách trung tâm thành phố Cần Thơ khoảng 80 km, cách thành phố Sa Đéc khoảng 30 km, cách thành phố biên giới Hồng Ngự khoảng 60 km, cách Tp. Tân an 120km. Có vị trí địa lý:

- Phía đông và phía bắc giáp huyện Cao Lãnh
- Phía tây giáp huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
- Phía nam giáp huyện Lấp Vò.

Tiềm năng về vị trí địa lý:

Thuận nguồn nguyên liệu gạo từ các nơi khác chuyên về, đảm bảo cung cấp đủ cho XN CBLT Cao Lãnh hoạt động quanh năm.

Hệ thống giao thông tốt, rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa lương thực cả đường bộ lẫn đường sông. (Container, xà lan)

III. Qui mô hiện có của kho thuê

Tổng diện tích mặt bằng: 5.850m².

+ Diện tích kho trống: 3.350m².

+ Diện tích lắp máy: 2.500m².

Quy cách kho chính: DxRxC= 90x65x10.5m.

Sức chứa: 7.000 tấn.

Năng lực máy móc, thiết bị : (Lắp đặt năm 2011)

- + Dây chuyền xát-lau bóng 8 tấn/giờ : 02 dây chuyền. Công nghệ 2XT-2 LB.
- + Máy tách màu 7 tấn/giờ (DTC) : 01 máy.
- + 02 cầu cảng nhập xuất hàng.
- + 01 hệ thống băng tải nội kho.
- + Bồn chứa nguyên liệu 500T
- + Bồn chứa thành phẩm 400T
- + 02 cân đóng bao 30T/h

Nhà làm việc : 03 phòng làm việc.

IV. Hiện trạng nhà xưởng và thiết bị thuê

Mái kho rỉ sét, bị dột.(Công ty LT Đồng Tháp đang tiến hành thay mái tôn)

Nền kho bằng phẳng, không bị sụp lún.

Hệ thống thoát nước xung quanh bình thường.

Dây chuyền máy đã hoạt động từ năm 2011 đến nay.

V. Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp thiết bị

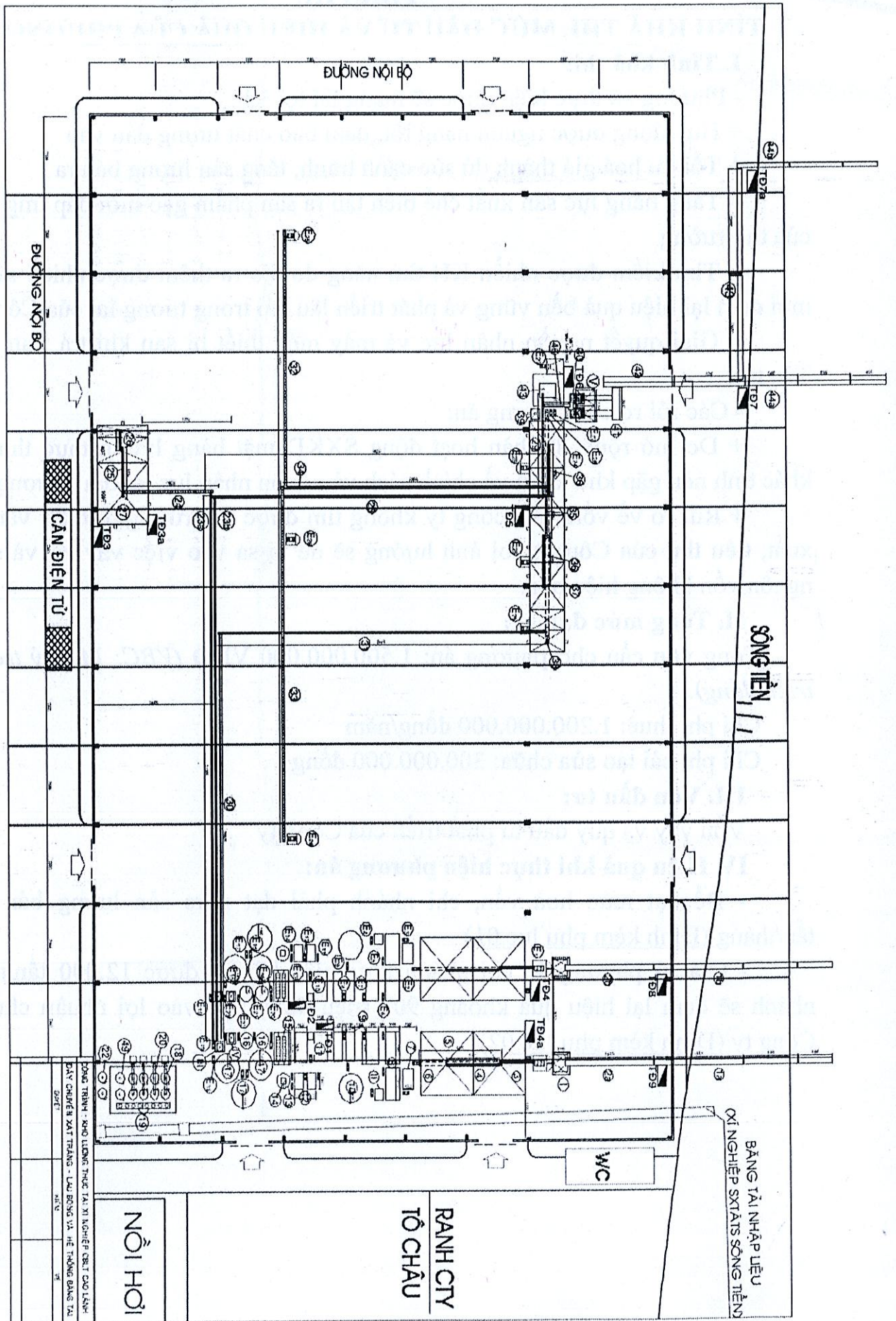
Trong thời gian tới để đạt yêu cầu chất lượng gạo và hiệu quả vận hành thì cần phải sửa chữa, cải tạo, nâng cấp dây chuyền theo công nghệ mới 3 XT - 3 LB.

Vì vậy cần thay thế và bổ sung một số phụ tùng máy móc, thiết bị, dự kiến chi phí như sau:

ST T	DIỄN GIẢI	ĐVT	SL	TỔNG GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
1	Thay phụ tùng mát xát và lau bóng	Bộ	8	300.000.000	
2	Phụ tùng bù dài (dây gàu, dây curoa, đường ống....)	Hệ	1		
3	Phụ tùng băng tải (dây băng tải, dây curoa, ...)	Hệ	1		

VI. Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng:

(Chi tiết có bản vẽ kèm theo)



PHẦN III

TÍNH KHẢ THI, MỨC ĐẦU TƯ VÀ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN

I. Tính khả thi:

- Phương án thực hiện được sẽ mang lại lợi ích:
- + Huy động được nguồn hàng tốt, đảm bảo chất lượng đầu vào
- + Tối ưu hoá giá thành đủ sức cạnh tranh, tăng sản lượng bán ra
- + Tăng năng lực sản xuất chế biến tạo ra sản phẩm gạo mới đáp ứng nhu cầu của thị trường

+ Tìm kiếm được nhiều KH tìm năng do tạo ra thêm được nhiều sản phẩm mới đem lại hiệu quả bền vững và phát triển lâu dài trong tương lai của Công ty.

+ Giải quyết nguồn nhân lực và máy móc thiết bị sau khi trả trạm tại kho Tân trụ.

- Các rủi ro của phương án:

+ Do mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm khác tỉnh nên gặp khó khăn về chính sách và nguồn nhân lực tại địa phương.

+ Rủi ro về vốn: nếu công ty không tìm được thị trường mới thì vấn đề sản xuất, tiêu thụ của Công ty bị ảnh hưởng sẽ dễ bị sa vào việc vay nợ và sử dụng nguồn vốn không hiệu quả.

II. Tổng mức đầu tư:

Tổng vốn cần cho phương án: 1.500.000.000 VND (VBC: Một tỷ trăm năm triệu đồng).

Chi phí thuê: 1.200.000.000 đồng/năm

Chi phí cải tạo sửa chữa: 300.000.000 đồng

III. Vốn đầu tư:

Vốn vay và quỹ đầu tư phát triển của Công ty

IV. Hiệu quả khi thực hiện phương án:

- Để đạt mức hoà vốn, chi nhánh phải đạt mức sản lượng bán ra 600 tấn/tháng (Đính kèm phụ lục 01)

- Giả sử phương án chi nhánh thực hiện bán ra được 12.000 tấn/năm chi nhánh sẽ đem lại hiệu quả khoảng 900 triệu đóng góp vào lợi nhuận chung của Công ty (Đính kèm phụ lục 02)

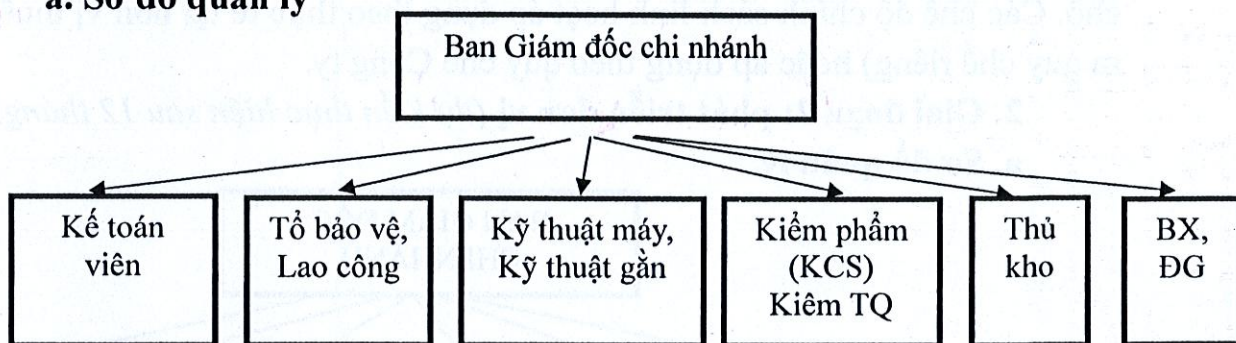
PHẦN IV CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

I. Thành lập Chi nhánh tại Đồng Tháp trực thuộc Công ty Mecofood

II. Tổ chức nhân sự tại Chi nhánh tại Đồng Tháp trực thuộc Công ty Mecofood

1. Giai đoạn 1: Hình thành và ổn định đơn vị (thực hiện 12 tháng đầu)

a. Sơ đồ quản lý



b. Định biên nhân sự và nhiệm vụ

- **Ban giám đốc Chi nhánh (02):** Phụ trách quản lý toàn bộ chi nhánh, thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định về Công ty. Người lao động của Công ty.

- **01 Kế toán viên:** thực hiện công việc các nghiệp vụ phát sinh tại cơ sở. Người lao động ở công ty.

- **02 Tổ bảo vệ, 01 lao công:** Tùy vào diện tích kho tàn, bến bãi số lượng tổ bảo vệ sẽ được quyết định sau.

+ **Phương án 1:** Thuê bảo vệ tại chỗ (có thể là bảo vệ của nhà xưởng đang thuê mướn hoặc người lao động tại địa phương). Đối với phương án này cần thực hiện đào tạo hoặc huấn luyện nghiệp vụ PCCC. Sẽ tồn tại rủi ro và trách nhiệm tài sản cho đơn vị nhưng chi phí thuê mướn thấp.

+ **Phương án 2:** Thuê đội bảo vệ chuyên nghiệp từ các công ty bảo vệ. Độ an toàn và trách nhiệm cao. Chi phí cao hơn phương án 1.

+ **Lao công thuê mướn tại chỗ.**

- **01 Kỹ thuật máy, 01 Kỹ thuật gắn:** Sử dụng lại lao động đang có tại kho, ký hợp đồng dựa trên hợp đồng cũ hoặc đưa ra phương án cân đối với quy chế quy định hiện tại của Công ty.

- **02 Kiểm phẩm (KCS):** 01 KCS phụ trách công tác thu mua, 01 KCS phụ trách sản xuất kiểm thủ quỹ. Sử dụng lao động đang có tại kho, ký hợp đồng dựa trên hợp đồng cũ hoặc đưa ra phương án cân đối với quy chế quy định hiện tại của Công ty.

- **01 Thủ Kho:** Quản lý kho của cơ sở. Sử dụng lao động đang có tại kho, ký hợp đồng dựa trên hợp đồng cũ hoặc đưa ra phương án cân đối với quy chế quy định hiện tại của Công ty.

- **Bốc xếp, đóng gói:** Thuê mướn theo nhu cầu sản xuất thực tế.

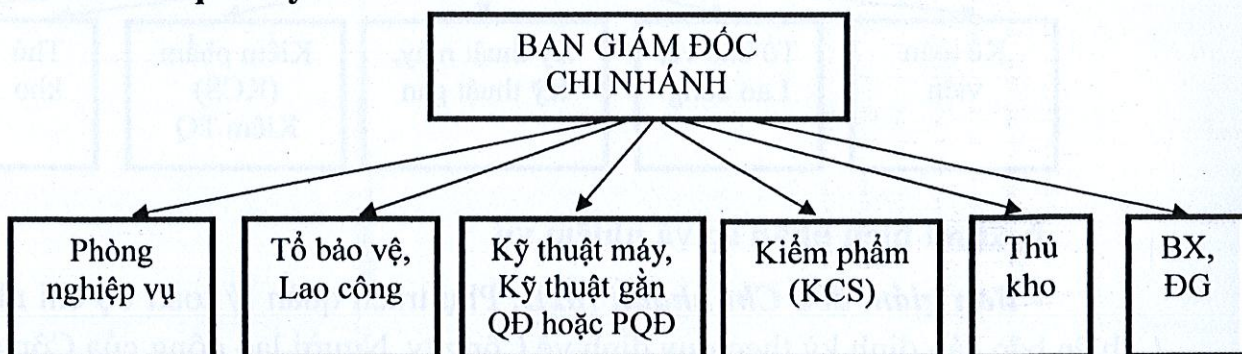
c. Phương án tuyển dụng và các chính sách cho người lao động tại đơn vị

- Giai đoạn này đối với Trưởng chi nhánh và kế toán viên sẽ sử dụng người lao động của tại công ty đưa xuống. Sẽ chọn phương án hỗ trợ xăng đi lại hoặc hỗ trợ nhà ở tại chỗ. Các chế độ chính sách thực hiện theo quy chế hiện tại của Công ty.

- Đối với các nhóm lao động còn lại sẽ ưu tiên sử dụng nguồn lao động tại chỗ. Các chế độ chính sách linh hoạt áp dụng theo thực tế tại đơn vị thuê mướn (sẽ ra quy chế riêng) hoặc áp dụng theo quy chế Công ty.

2. Giai đoạn 2: phát triển đơn vị (dự kiến thực hiện sau 12 tháng)

a. Sơ đồ quản lý



b. Định biên nhân sự và nhiệm vụ

- **Ban giám đốc Chi nhánh (02):** Thực hiện công tác quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh theo phương án đã lập ra. Ngoài ra xem xét xây dựng chế độ năng suất riêng (nếu hiệu quả).

- **Phòng nghiệp vụ:**

+ **Trưởng Phòng nghiệp vụ (01):** Thực hiện công việc quản lý nghiệp vụ, tổng hợp báo cáo về công ty theo quy định.

+ **Kế toán bán hàng (01):** Thực hiện các nghiệp vụ liên đến bán hàng, giao hàng.

+ **Kế toán lao động tiền lương, thu chi (01):** Phụ trách thu chi tại cơ sở và tính lương cho người lao động tại cơ sở.

+ **Tài xế (01):** Phụ trách lái xe khi đi công tác. Sử dụng thuê mướn lao động tại chỗ hoặc xem xét điều động tài xế văn phòng Công ty.

- **Tổ bảo vệ, lao công:** Sử dụng lao động theo phương án đã chọn ở giai đoạn 01.

- **Kỹ thuật máy, Kỹ thuật gắn:** Tiếp tục thực hiện theo giai đoạn 1, đồng thời đào tạo lao động có tay nghề tại Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm để tăng cường khi cần.

- **Kiểm phẩm (KCS):** Tiếp tục sử dụng lao động theo giai đoạn 1. Chính sách lương điều chỉnh thực hiện theo quy chế Công ty cho phù hợp.

- **Thủ Kho:** Tiếp tục sử dụng lao động theo giai đoạn 1. Chính sách lương điều chỉnh thực hiện theo quy chế Công ty cho phù hợp.

- **Bốc xếp, đóng gói:** Thuê mướn theo nhu cầu sản xuất thực tế.

c. Phương án tuyển dụng và các chính sách cho người lao động tại đơn vị

- Ổn định nhân sự có bộ máy hoàn thiện, các chính sách về tiền lương, phương án sử dụng lao động rõ ràng. Đồng thời lập phương án điều động nhân sự giữa cơ sở mới và Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm nhằm nâng cao trình độ tay nghề người lao động và linh hoạt trong phương án sử dụng lao động.

- Đối với các nhóm lao động còn lại sẽ ưu tiên sử dụng nguồn lao động tại chỗ. Các chế độ chính sách linh hoạt áp dụng theo thực tế tại đơn vị thuê mướn (sẽ ra quy chế riêng) hoặc áp dụng theo quy chế Công ty.

V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hiện nay ngành hàng lương thực của Công ty đang trên đà phát triển vượt bậc khách hàng ngày càng biết nhiều đến thương hiệu gạo của công ty Mecofood, theo thống kê của Phòng Kế hoạch kinh doanh sản lượng tiêu thụ gạo của Công ty ngày một tăng đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu, khủng hoảng chính trị của nhiều nước chiến tranh Trung đông và Đông Âu nên nhu cầu tích trữ lương thực lớn. Xí nghiệp Lương thực thực phẩm trực thuộc Công ty có 2 phân xưởng nằm ở Thành phố Tân An và Huyện Tân Trụ, hai phân xưởng này không nằm trong vùng nguyên liệu nên chi phí thu mua cũng khá cao do khách hàng phải vận chuyển đến giao tận xí nghiệp cộng vào chi phí vận chuyển làm cho giá nguyên liệu đầu vào của xí nghiệp cao, hạn chế tính cạnh tranh trên thị trường đặc biệt trong bối cảnh có nhiều công ty kinh doanh xuất khẩu gạo ra đời.

Phương án đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động SXKD mặt hàng lương thực thực phẩm của công ty là thực sự cần thiết và mang tính khả thi cao. Với vị trí thuận lợi vừa có đường sông vừa có đường bộ đặc biệt nằm trong vùng nguyên liệu nên việc thu mua sẽ thuận lợi rất lớn, mở ra nhiều phương án cho lãnh đạo Công ty trong việc lựa chọn nguồn nguyên liệu tốt phục vụ cho việc sản xuất, chế biến và kinh doanh nhất là tham gia thị trường gạo giá rẻ, số lượng nhiều nhằm đảm bảo kế hoạch đã đề ra hàng năm.

Khi chi nhánh đi vào hoạt động sẽ góp phần làm cho ngành hàng lương thực của công ty ngày càng phát triển theo chiều sâu và rộng và bền vững hơn.

2. Kiến nghị

- Đề nghị Tổng Công ty hỗ trợ thêm đầu ra về xuất khẩu hoặc cung ứng xuất khẩu trong giai đoạn đầu hình thành chi nhánh.

- Tăng cường công tác tiếp thị, tăng sản lượng bán ra, mở rộng thị trường xuất khẩu trực tiếp. Cung ứng nội địa, xuất khẩu cho các đơn vị bạn để đảm bảo tính khả thi của phương án.

Long An, ngày 20 tháng 11 năm 2023

Trưởng Ban



Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC 01

BẢNG HIỆU QUẢ KINH DOANH TẠM TÍNH SẢN PHẨM GẠO ĐỂ ĐẠT MỨC HOÀ VỐN

Chỉ tiêu	ĐVT	Tỷ lệ thu hồi	Sản lượng	Giá bán	Thành tiền	Hệ số
Doanh thu (1)	đ/kg		562.849	14.000	7.879.887.657	
Giá vốn hàng bán (2)	đ/kg		562.849	13.622	7.667.317.834	
I. Chi phí phát sinh trong kỳ						
1. Nguyên vật liệu			1.050.000		13.755.000.000	
Gạo lứt NL 15%	đ/kg		1.050.000	13.100	13.755.000.000	
2. Nhân công trực tiếp					21.000.000	
Tiền lương và các khoản theo lương			1.050.000	20	21.000.000	
3. Chi phí sản xuất chung					398.718.075	
Lương và các khoản theo lương	Tháng		12		146.218.075	
-Trưởng chi nhánh: 1 người		1	1	18.480.000	24.024.000	1,3
-Quản đốc CN: 1 người		1	1	12.125.000	15.762.500	1,3
-Lương kế toán: 1 người		1	1	7.140.000	9.282.000	1,3
-Lương KCS: 2 người		1	2	6.300.000	16.380.000	1,3
-Lương Gắn+thợ máy: 2 người		1	2	6.300.000	16.380.000	1,3
-Lương thủ kho: 1 người		1	1	6.500.000	8.450.000	1,3
-Lương lao công: 1 người		1	1	4.860.000	6.318.000	1,3
-Lương bảo vệ: 2 người		1	2	6.160.000	16.016.000	1,3
-Tài xế: 1 người		1	1	5.180.000	6.734.000	1,3
-Các khoản theo lương (23,5%)	23,50%	1			17.165.575	
-Tiền ăn ca	Năm	1	1	8.112.000	8.112.000	
-BHLĐ+BH thân thể	Năm	1	1	1.594.000	1.594.000	
Chi phí thuê kho và dây chuyền máy	Năm	1	1	100.000.000	100.000.000	
Chi phí sửa chữa lớn TS thuê	Năm	1	1	5.000.000	5.000.000	
Chi phí bảo hiểm hàng hoá hàng năm	Năm	1	1	10.000.000	10.000.000	
Tiền điện+nước+điện thoại sinh hoạt	Năm	1	1	1.000.000	1.000.000	
Chi phí vật liệu- bao bì	đ/kg		1.050.000	15	15.750.000	
Chi phí dụng cụ sản xuất	đ/kg		1.050.000	5	5.250.000	
Tiền điện sản xuất	đ/kg		1.050.000	40	42.000.000	
Chi phí bốc xếp, CNTV	đ/kg		1.050.000	50	52.500.000	
Chi phí s/c máy móc, thiết bị định kỳ	đ/kg		1.050.000	18	18.900.000	
Chi phí QLPX bằng tiền khác	đ/kg		1.050.000	20	21.000.000	
II. Giá thành sản phẩm hoàn thành		99,1%	1.040.550	13.622	14.174.718.075	
Gạo TP 5%		60,0%	630.000	16.134	10.164.124.105	1,00
Tầm 1/2		24,0%	252.000	11.293	2.845.954.749	0,70
Tầm 3/4		3,0%	31.500	6.937	218.528.668	0,43
Cám y		9,0%	94.500	7.260	686.078.377	0,45

Cám lau		2,1%	22.050	5.647	124.510.520	0,35
Gạo thóc		1,0%	10.500	12.907	135.521.655	0,80
Lợi nhuận gộp (3)=(1)-(2)					212.569.824	
Chi phí bán hàng (4)	đ/kg		562.849	200	112.569.824	
Lãi vay (5)	Tháng	1	1	100.000.000	100.000.000	
Lợi nhuận còn lại (6)=(3)-(4)-(5)					0	

PHỤ LỤC 02

BẢNG HIỆU QUẢ KINH DOANH TẠM TÍNH SẢN PHẨM GẠO (Tạm tính hiệu quả nếu sản lượng bán ra 1 năm đạt là 12.000 tấn)

Chỉ tiêu	ĐVT	Tỷ lệ thu hồi	Sản lượng	Giá bán	Thành tiền	Hệ số
Doanh thu (1)	đ/kg		12.000.000	14.000	168.000.000.000	
Giá vốn hàng bán (2)	đ/kg		12.000.000	13.624	163.492.181.861	
I. Chi phí phát sinh trong kỳ						
1. Nguyên vật liệu			12.500.000		163.750.000.000	
Gạo lứt NL 15%	đ/kg		12.500.000	13.100	163.750.000.000	
2. Nhân công trực tiếp					250.000.000	
Tiền lương và các khoản theo lương			12.500.000	20	250.000.000	
3. Chi phí sản xuất chung					4.771.616.900	
Lương và các khoản theo lương	Năm		12		1.754.616.900	
-Trưởng chi nhánh: 1 người		12	1	18.480.000	288.288.000	1,3
-Quản đốc CN: 1 người		12	1	12.125.000	189.150.000	1,3
-Lương kế toán: 1 người		12	1	7.140.000	111.384.000	1,3
-Lương KCS: 2 người		12	2	6.300.000	196.560.000	1,3
-Lương Gắn+thợ máy: 2 người		12	2	6.300.000	196.560.000	1,3
-Lương thủ kho: 1 người		12	1	6.500.000	101.400.000	1,3
-Lương lao công: 1 người		12	1	4.860.000	75.816.000	1,3
-Lương bảo vệ: 2 người		12	2	6.160.000	192.192.000	1,3
-Tài xế: 1 người		12	1	5.180.000	80.808.000	1,3
-Các khoản theo lương (23,5%)	23,50%	12			205.986.900	
-Tiền ăn ca	Năm	12	1	8.112.000	97.344.000	
-BHLĐ+BH thân thể	Năm	12	1	1.594.000	19.128.000	
Chi phí thuê kho và dây chuyên máy	Năm	12	1	100.000.000	1.200.000.000	
Chi phí sửa chữa lớn TS thuê	Năm	12	1	5.000.000	60.000.000	
Chi phí bảo hiểm hàng hoá hàng năm	Năm	12	1	10.000.000	120.000.000	
Tiền điện+nước+điện thoại sinh hoạt	Năm	12	1	1.000.000	12.000.000	
Chi phí vật liệu- bao bì	đ/kg		12.500.000	15	187.500.000	
Chi phí dụng cụ sản xuất	đ/kg		12.500.000	5	62.500.000	

Tiền điện sản xuất	đ/kg		12.500.000	40	500.000.000	
Chi phí bốc xếp, CNTV	đ/kg		12.500.000	50	625.000.000	
Chi phí s/c máy móc, thiết bị định kỳ	đ/kg		12.500.000	18	225.000.000	
Chi phí QLPX bằng tiền khác	đ/kg		12.500.000	20	250.000.000	
II. Giá thành sản phẩm hoàn thành		99,1%	12.387.500	13.624	168.771.616.900	
Gạo TP 5%		60,0%	7.500.000	16.136	121.019.384.691	1,00
Tấm 1/2		24,0%	3.000.000	11.295	33.885.427.713	0,70
Tấm 3/4		3,0%	375.000	6.938	2.601.916.771	0,43
Cám y		9,0%	1.125.000	7.261	8.168.808.467	0,45
Cám lau		2,1%	262.500	5.648	1.482.487.462	0,35
Gạo thóc		1,0%	125.000	12.909	1.613.591.796	0,80
Lợi nhuận gộp (3)=(1)-(2)					4.507.818.139	
Chi phí bán hàng (4)	đ/kg		12.000.000	200	2.400.000.000	
Lãi vay (5)	Tháng	12	1	100.000.000	1.200.000.000	
Lợi nhuận còn lại (6)=(3)-(4)-(5)					907.818.139	

MỤC LỤC

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG ÁN.....	1
PHẦN I.....	2
SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ VÀ MỤC TIÊU CỦA PHƯƠNG ÁN.....	2
A. THỰC TRẠNG VỀ NGÀNH LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM CỦA CÔNG TY.....	2
1. Tình hình SXKD mặt hàng LTTP của Công ty.....	2
a. Về kết quả kinh doanh.....	2
b. Về cơ sở vật chất kỹ thuật.....	2
2. Thuận lợi :.....	3
a. Thị trường xuất khẩu:.....	3
b. Thị trường nội địa:.....	3
c. Nguồn cung nguyên liệu.....	3
3. Khó khăn:.....	3
a. Thị trường xuất khẩu:.....	3
b. Thị trường nội địa:.....	3
c. Nguồn cung nguyên liệu.....	3
B. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ MỞ RỘNG ĐỊA BÀN SXKD NGÀNH LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM.....	4
I. Định hướng và mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh ngành gạo của Công ty:.....	4
1. Định hướng:.....	4
2. Mục tiêu:.....	4
PHẦN II.....	5
HÌNH THỨC ĐẦU TƯ VÀ ĐỊA ĐIỂM CỦA PHƯƠNG ÁN.....	5
I. Hình thức đầu tư.....	5
II. Địa điểm kho thuê.....	5
III. Qui mô hiện có của kho thuê.....	5
IV. Hiện trạng nhà xưởng và thiết bị thuê.....	5
V. Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp thiết bị.....	6
VI. Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng:.....	6
PHẦN III.....	8
TÍNH KHẢ THI, MỨC ĐẦU TƯ VÀ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN.....	8
I. Tính khả thi:.....	8
II. Tổng mức đầu tư:.....	8
III. Vốn đầu tư:.....	8
Vốn vay và quỹ đầu tư phát triển của Công ty.....	8
IV. Hiệu quả khi thực hiện phương án:.....	8
PHẦN IV.....	9
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	9
I. Thành lập Chi nhánh tại Đồng Tháp trực thuộc Công ty Mecofood.....	9
II. Tổ chức nhân sự tại Chi nhánh tại Đồng Tháp trực thuộc Công ty Mecofood.....	9
1. Giai đoạn 1: Hình thành và ổn định đơn vị (thực hiện 12 tháng đầu).....	9
b. Định biên nhân sự và nhiệm vụ.....	9
c. Phương án tuyển dụng và các chính sách cho người lao động tại đơn vị.....	10
2. Giai đoạn 2: phát triển đơn vị (dự kiến thực hiện sau 12 tháng).....	10
a. Sơ đồ quản lý.....	10
b. Định biên nhân sự và nhiệm vụ.....	10
c. Phương án tuyển dụng và các chính sách cho người lao động tại đơn vị.....	11
V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	11
1. Kết luận.....	11
2. Kiến nghị.....	12